

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2020/HNGĐ-PT
Ngày 30-6-2020
V/v tranh chấp về ly hôn, việc nuôi con,
chia tài sản khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Vân Thúy
Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thu Thủy
Ông Lê Anh Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Chu Thị Thanh Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 14/2020/TLPT-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2020 về việc “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 29/2020/HNGĐ-ST ngày 17 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 110/2020/QĐ-PT ngày 05 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 178/2020/QĐ-PT ngày 25 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vũ Thị Tr; ĐKKHKT: Thôn Trung, xã Phục Lễ, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; tạm trú: Thôn Nhâm Lang, xã Tân Tiến, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Vũ Thị Tr: Ông Nguyễn Ngọc Ch và ông Nguyễn Thanh T, Luật sư Công ty Luật TNHH Một thành viên Investco thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng; ông Nguyễn Ngọc Ch có mặt; ông Nguyễn Thanh T vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Chu Văn T; nơi cư trú: Thôn Tr, xã Phục L, huyện Thủy Ng, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Chu Văn T: Ông Ngô Văn Th, Luật sư Văn phòng Luật sư Đức Thuận thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng; có mặt.

Người kháng cáo: Chị Vũ Thị Tr - là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ và bản án sơ thẩm nội dung vụ án như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị Tr kết hôn với anh Chu Văn T trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phục Lễ, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng ngày 12 tháng 5 năm 2016. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn.

Theo chị Vũ Thị Tr trình bày: Nguyên nhân mâu thuẫn do anh T có quan hệ tình cảm, qua lại với vợ cũ dẫn đến cuộc sống chung vợ chồng không thống nhất, bất đồng quan điểm, thường hay xảy ra cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Mâu thuẫn giữa chị và anh T đã được gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn, chị Tr đã sống ly thân với anh T từ tháng 9 năm 2019 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị Tr nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Chu Văn T.

Anh Chu Văn T trình bày: Thống nhất với chị Tr về thời điểm kết hôn, về quá trình chung sống, thời điểm mâu thuẫn và sống ly thân. Theo anh, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hòa hợp, thiếu tin tưởng lẫn nhau trong làm ăn kinh tế cùng như quan hệ tình cảm nên vợ chồng xảy ra cãi vã nhau. Nay chị Tr có yêu cầu ly hôn, anh T nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm nên đồng ý ly hôn chị Vũ Thị Tr.

- Về con chung: Chị Vũ Thị Tr và anh Chu Văn T có 02 con chung tên là Chu Minh T, sinh ngày 24 tháng 9 năm 2016 và Chu Ngọc An Nh, sinh ngày 26 tháng 12 năm 2018.

Khi ly hôn chị Tr đề nghị được trực tiếp nuôi hai con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Anh T đề nghị giao con là Chu Minh T, sinh ngày 24 tháng 9 năm 2016 cho anh nuôi; giao con là Chu Ngọc An Nh, sinh ngày 26 tháng 12 năm 2018 cho chị Tr nuôi. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận, đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung:

Chị Vũ Thị Tr trình bày chị và anh T tự thỏa thuận phân chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với yêu cầu của anh T về việc đề nghị Tòa án chia một phần tài sản chung là chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mercedes -Benz, biển số đăng ký 15A-512.95, chị Tr đề nghị Tòa án giao chiếc xe cho anh T nhưng khi nào anh T trả cho chị số tiền chênh lệch tài sản thì chị Tr sẽ giao xe và giấy tờ xe cho anh T.

Anh Chu Văn T đề nghị Tòa án chia một phần tài sản chung là chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mercedes-Benz, biển số đăng ký 15A-512.95, giấy đăng ký xe mang tên chị Tr và hiện đang do chị Tr quản lý, sử dụng nên đề nghị giao chiếc xe ô tô cho

chị Tr và chị Tr có trách nhiệm thanh toán cho anh T 1/2 giá trị chiếc xe là 600.000.000 đồng.

Với nội dung nêu trên, tại Bản án sơ thẩm số 29/2020/HNGĐ-ST ngày 17 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng đã quyết định như sau:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2, 4 Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 33, khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Vũ Thị Tr và anh Chu Văn T.
2. Về con chung: Giao con chung tên Chu Ngọc An Nh, sinh ngày 26 tháng 12 năm 2018 cho chị Vũ Thị Tr trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung tên Chu Minh T, sinh ngày 24 tháng 9 năm 2016 cho anh Chu Văn T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chia tài sản cho chị Vũ Thị Tr và anh Chu Văn T, mỗi người được sở hữu phần tài sản trị giá 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng).

Giao cho chị Vũ Thị Tr tài sản là chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mercedes-Benz, số khung 4CXXJV004703, số máy 492031343659, biển số đăng ký 15A-512.95, tên chủ xe Vũ Thị Tr (Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 089083 ngày 21/8/2019). Chị Vũ Thị Tr có nghĩa vụ thanh toán phần chênh lệch cho anh Chu Văn T số tiền là 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng).

4. Về án phí: Chị Vũ Thị Tr phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 28.000.000 đồng (Hai mươi tám triệu đồng) án phí chia tài sản chung. Cộng bằng 28.300.000 đồng (Hai mươi tám triệu, ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị Tr đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003108 ngày 17 tháng 10 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên. Chị Vũ Thị Tr còn phải nộp 28.000.000 đồng (Hai mươi tám triệu đồng).

Anh Chu Văn T phải chịu 28.000.000 đồng (Hai mươi tám triệu đồng) án phí chia tài sản chung, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 16.000.000 đồng (Mười sáu triệu đồng) anh T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003256 ngày 11 tháng 12 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên. Anh Chu Văn T còn phải nộp 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng).

Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn chị Vũ Thị Tr kháng cáo Bản án sơ thẩm số 29/2020/HNGĐ-ST ngày 17 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân

huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị sửa phần nhận định của Tòa án về nguyên nhân dẫn đến ly hôn: do anh Chu Văn T có quan hệ bất chính với vợ cũ là chị Bùi Thị Huyền Tr dẫn đến hai người có con riêng ngoài hôn nhân.

- Về con chung: Giao cho chị Vũ Thị Tr được trực tiếp nuôi hai con chung là Chu Ngọc An Nh, sinh ngày 16 tháng 12 năm 2018 và Chu Minh T, sinh ngày 24 tháng 9 năm 2016. Anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Giao cho anh Chu Văn T quản lý và sử dụng chiếc xe ô tô Mercedes-Benz BKS: 15A-512.95. Anh Chu Văn T phải có nghĩa vụ thanh toán phần chênh lệch cho chị Vũ Thị Tr số tiền là 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng).

* Quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm, ngày 10 tháng 6 năm 2020, chị Vũ Thị Tr đã rút một phần nội dung kháng cáo yêu cầu giải quyết về tài sản chung, đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm về việc chia tài sản; giữ nguyên kháng cáo yêu cầu sửa nhận định về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng và đề nghị được nuôi cả hai con chung.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn là chị Vũ Thị Tr và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cung cấp tài liệu: 01 vi bằng, 01 xác nhận nghỉ học tại trường Vinschool, một số ảnh chụp và bản in tin nhắn đồng thời thống nhất trình bày: Bản trích lục giấy khai sinh của hai con của chị Bùi Thị Huyền Tr được sao từ sổ gốc của Ủy ban nhân dân là văn bản của cơ quan có thẩm quyền cấp nhưng cấp sơ thẩm không làm rõ mối quan hệ cha con giữa anh T và hai con của chị Huyền Tr. Anh T vi phạm đạo đức, vi phạm chế độ một vợ một chồng. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm, ghi rõ trong nhận định về nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng ly hôn là do anh T có quan hệ bất chính với vợ cũ là chị Bùi Thị Huyền Tr dẫn đến hai người có con riêng ngoài hôn nhân. Về việc nuôi con: Đề nghị giao con chung là Chu Minh T, sinh ngày 24-9-2016 cho chị Vũ Thị Tr nuôi dưỡng vì cháu còn nhỏ, lại bị phẫu thuật mô u, cần sự chăm sóc của người mẹ; chị đã rất vất vả để xin xác nhận tình trạng học tập của con mới được trường Vinschool cung cấp, từ khi anh T nuôi dưỡng con đã không con đi học mà cháu Chu Minh T nghỉ học từ ngày 29-10-2019 đến nay. Khi anh T cho cháu Chu Minh T sang Thái Lan phẫu thuật đã không bàn bạc, thông báo cho chị Tr biết là ảnh hưởng đến quyền làm mẹ của chị Tr. Do công việc bận chị không đến thăm con trực tiếp nhưng có gửi quần áo thăm con nhưng anh T và gia đình ngăn cản, tài liệu chứng minh là vi bằng do Văn phòng Thừa phát lại Hải Phòng lập ngày 24-3-2020. Bên cạnh đó, anh T có con với người vợ cũ nên việc anh T nuôi dưỡng cháu Chu Minh T là không đảm bảo, do vậy đề nghị Tòa án giao cháu Chu Minh T cho chị Tr nuôi, chị không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Chị Vũ Thị Tr rút một phần nội dung kháng cáo về yêu cầu giải quyết chia tài sản chung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Bị đơn là anh Chu Văn T vắng mặt và có đơn đề nghị giữ nguyên quan điểm ý kiến, không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của chị Tr, đề nghị giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn anh Chu Văn T cung cấp Giấy xác nhận của trường Mầm non xã Phục Lễ xác nhận cháu Chu Minh T học tại trường trong năm học 2019-2020 và phát biểu ý kiến: Bị đơn không đồng ý các quan điểm, ý kiến của nguyên đơn. Lý do anh T cho cháu Tuấn nghỉ học là do anh cho cháu sang Thái Lan khám và chữa bệnh, sau khi phẫu thuật cắt bỏ khối u, cháu cần có thời gian dưỡng bệnh, sau đó do tình hình dịch bệnh nên tất cả học sinh trên cả nước đều nghỉ học. Từ nhà anh T đến trường Vinschool hơn 20 km nên đề thuận tiện hơn trong việc đi lại, anh T đã chuyển cho cháu về học tại trường gần nhà. Như vậy, không có việc anh T không cho cháu đi học và việc chăm sóc, giáo dục con của anh T vẫn đảm bảo cho cháu về mọi mặt. Đề nghị cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

* Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tại phiên tòa phát biểu quan điểm:

- *Về tố tụng*: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký Tòa án và của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đầy đủ đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung*: Kháng cáo của chị Vũ Thị Tr trong hạn luật định nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

Về yêu cầu nêu tại nhận định của bản án nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do anh T có quan hệ bất chính với vợ cũ là chị Bùi Thị Huyền Tr dẫn đến hai người có con riêng ngoài hôn nhân. Chị Tr cung cấp hai bản sao trích lục khai sinh số 32, 33 ngày 14-01-2020, ngoài ra tại phiên tòa có cung cấp một số bản ảnh chụp người phụ nữ theo chị Tr trình bày là vợ cũ của anh T và hai con của chị này với anh T. Các bản ảnh này chị Tr cung cấp tại phiên tòa, không có căn cứ chứng minh lời trình bày của chị Tr. Xác minh tại chính quyền địa phương cũng chỉ thể hiện việc anh T và chị Bùi Thị Huyền Tr đã ly hôn, mỗi người ở một địa phương khác nhau. Do vậy, không có căn cứ để xác định việc anh T có quan hệ bất chính với người cũ hay không, mặt khác trong vụ án này, Tòa án giải quyết về án ly hôn giữa hai bên đương sự nên vấn đề này nếu chị Tr có thể yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xem xét giải quyết.

Về việc nuôi con chung: Chị Vũ Thị Tr và anh Chu Văn T có 02 con chung là Chu Minh T, sinh ngày 24-9-2016 và Chu Ngọc An Nh, sinh ngày 26-12-2018. Ly hôn, chị Tr có nguyện vọng được trực tiếp, nuôi dưỡng hai con chung. Anh T có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Chu Minh T, để chị Tr nuôi dạy cháu Chu Ngọc An Nh. Cả hai anh chị đều không yêu cầu người còn lại phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, sau khi ly hôn, cha mẹ đều có quyền, nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dạy, giáo dục con chung. Cấp sơ thẩm giao mỗi người nuôi một con chung là có cơ sở, bởi lẽ việc giao con cho người nuôi dưỡng, bên cạnh việc xem xét nguyện vọng

của con cần xem xét các tài liệu chứng cứ khác và bảo đảm quyền và nghĩa vụ của cha mẹ ngang nhau. Trong vụ án, cả hai bên đều có điều kiện để chăm sóc và nuôi dạy con chung, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm, giao cho chị Vũ Thị Tr nuôi con gái là cháu Chu Ngọc An Nh, sinh ngày 26 tháng 12 năm 2018; giao cháu Chu Minh T, sinh ngày 24 tháng 9 năm 2016 cho anh Chu Văn T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác về người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật; Không có cơ sở để chấp nhận nội dung kháng cáo này của chị Vũ Thị Tr. Trường hợp chị Tr cho rằng anh T cản trở việc thăm nom, chăm sóc con chung, có thể yêu cầu chính quyền địa phương, cơ quan có thẩm quyền can thiệp, giải quyết.

Về tài sản chung: Tại phiên tòa, chị Vũ Thị Tr đề nghị rút một phần kháng cáo đối với yêu chia tài sản chung vợ chồng. Căn cứ khoản 3 Điều 298 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo về chia tài sản chung, đề nghị HĐXX chấp nhận việc rút kháng cáo này.

Từ phân tích, nhận định nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 298, khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 312 Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo đối với phần nhận định nguyên nhân mâu thuẫn và về việc nuôi con chung, giữ nguyên bản án sơ thẩm về việc nuôi con: giao con chung là Chu Ngọc An Nh, sinh ngày 26 tháng 12 năm 2018 cho chị Vũ Thị Tr trực tiếp nuôi dưỡng; giao con Chu Minh T, sinh ngày 24 tháng 9 năm 2016 cho anh Chu Văn T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; việc cấp dưỡng nuôi con hai bên không yêu cầu nên không đặt vấn đề giải quyết; đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo của chị Vũ Thị Tr về chia tài sản chung, giữ nguyên bản án sơ thẩm, giao cho chị Vũ Thị Tr tài sản là chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mercedes-Benz BKS: 15A-512.95, chị Vũ Thị Tr có nghĩa vụ thanh toán phần chênh lệch cho anh Chu Văn T số tiền là 600.000.000 đồng.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Chị Vũ Thị Tr phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ cũng như lời trình bày của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định,

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án Hôn nhân và Gia đình về việc “Tranh chấp về ly hôn, việc nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân.

[2] Ngày 24 tháng 3 năm 2020, nguyên đơn chị Vũ Thị Tr kháng cáo Bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm số 29/2020/HNGĐ-ST ngày 17 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng là trong thời hạn luật định. Chị Vũ Thị Tr đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên kháng cáo của chị Tr là hợp pháp.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự: Anh Chu Văn T đã nhận được các văn bản tổng đạt của Tòa án hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn chị Vũ Thị Tr Luật sư Nguyễn Thanh T đã được Tòa án tổng đạt các văn bản của Tòa án hợp nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Chu Văn T và Luật sư Nguyễn Thanh T.

- Về nội dung: Xét kháng cáo của nguyên đơn

[4] Chị Tr yêu cầu Tòa án nhận định nguyên nhân dẫn đến việc vợ chồng ly hôn là do anh Chu Văn T vẫn có quan hệ bất chính với vợ cũ là chị Bùi Thị Huyền Tr dẫn đến hai người có con riêng ngoài hôn nhân.

Căn cứ vào lời trình bày của chị Vũ Thị Tr và anh Chu Văn T phù hợp với lời khai của đại diện gia đình và tài liệu xác minh tại địa phương thể hiện nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hòa hợp, cuộc sống chung không thống nhất, hai vợ chồng thiếu sự tin tưởng lẫn nhau trong quan hệ tình cảm cũng như kinh tế. Mâu thuẫn giữa chị Tr và anh T đã được gia đình hòa giải, hai bên đã tìm cách khắc phục nhưng không có kết quả và đã ly thân từ tháng 9 năm 2019 đến nay không còn quan hệ về tình cảm cũng như kinh tế. Điều này thể hiện quan hệ hôn nhân giữa chị Vũ Thị Tr và anh Chu Văn T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị Vũ Thị Tr xin ly hôn anh Chu Văn T, anh T cũng đồng ý như vậy Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá tổng quát quan hệ hôn nhân giữa chị Tr và anh T nên xử cho chị Tr ly hôn với anh T là có căn cứ.

Chị Tr cung cấp một số tài liệu như một số để chứng minh việc anh T có hai con riêng đang ăn ở với anh T và có quan hệ bất chính với vợ cũ là chị Bùi Thị Huyền Tr như hai bản sao trích lục khai sinh số 32, 33 ngày 14-01-2020, một số bản ảnh và tin nhắn, nội dung đăng trên Facebook. Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm nhận thấy những tài liệu chị Tr cung cấp không đủ căn cứ để xác định việc anh T có quan hệ bất chính với vợ cũ hay không. Mặt khác, trong vụ án này Tòa án giải quyết vụ án ly hôn giữa chị Tr và anh T nên quan điểm chị Tr đưa ra càng thể hiện việc hai bên mâu thuẫn trầm trọng, Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định, đánh giá đúng tình trạng hôn nhân giữa chị Tr và anh T để cho ly hôn là không làm thay đổi bản chất của vụ án.

Vì vậy, kháng cáo yêu cầu sửa phần nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm về nguyên nhân dẫn đến ly hôn của chị Vũ Thị Tr và anh Chu Văn T là không có cơ sở để chấp nhận.

[5] Về việc nuôi con chung: Chị Vũ Thị Tr kháng cáo yêu cầu nuôi cả hai con chung là Chu Minh T, sinh ngày 24 tháng 9 năm 2016 và Chu Ngọc An Nh, sinh ngày 26 tháng 12 năm 2018.

Hội đồng xét xử xét thấy, cả hai bên đương sự đều xác định: Từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay, chị Vũ Thị Tr đang là người trực tiếp nuôi con tên Chu Ngọc An Nh, anh Chu Văn T đang là người trực tiếp nuôi con chung tên Chu Minh T. Chị Tr cung cấp tài liệu bản xác nhận nghỉ học của cháu Tuấn tại trường

Vinschool, anh T cung cấp xác nhận của trường Mầm non xã Phục Lễ thể hiện cháu Tuấn đang học tại trường năm học 2019-2020. Điều đó thể hiện, sau khi cháu Chu Minh T được anh T đưa đi phẫu thuật điều trị vẫn khỏe mạnh và đã đi học trở lại. Cả chị Tr và anh T đều có nhà ở, công việc và thu nhập ổn định và hiện mỗi người vẫn đảm bảo tốt về mọi mặt cho con chung đang trực tiếp nuôi. Như vậy, khả năng và điều kiện nuôi con của hai bên là như nhau. Trên cơ sở đánh giá điều kiện, hoàn cảnh về nhà ở, công việc, thu nhập cũng như thời gian của mỗi bên, xem xét độ tuổi, giới tính của các con, Tòa án cấp sơ thẩm giao con chung tên Chu Ngọc An Nh, sinh ngày 26 tháng 12 năm 2018 cho chị Vũ Thị Tr trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung tên Chu Minh T, sinh ngày 24 tháng 9 năm 2016 cho anh Chu Văn T nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật đồng thời đảm bảo về quyền và nghĩa vụ nuôi con của cả người cha và người mẹ. Tuy nhiên theo quy định của pháp luật, không ai được quyền ngăn cản quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung nên sau khi ly hôn, hai bên cần bàn bạc, trao đổi, thống nhất về việc nuôi dưỡng, chăm sóc con để bảo đảm cho con chung được phát triển một cách tốt nhất và toàn diện về mọi mặt.

[6] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Vũ Thị Tr và anh Chu Văn T tại cấp sơ thẩm đều không có yêu cầu xem xét và không có kháng cáo, kháng nghị về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[7] Về việc chia tài sản chung: Tại phiên tòa, chị Vũ Thị Tr rút yêu cầu kháng cáo về việc chia tài sản chung. Xét việc rút một phần yêu cầu kháng cáo là tự nguyện và phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 289, khoản 1 Điều 312 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo về việc chia tài sản chung. Như vậy, quyết định của bản án sơ thẩm về việc chia tài sản chung được giữ nguyên.

[8] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Kháng cáo của chị Vũ Thị Tr không được chấp nhận nên chị Tr phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 3 Điều 289, khoản 1 Điều 308, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo của chị Vũ Thị Tr về việc chia tài sản chung.

2. Không chấp nhận kháng cáo của chị Vũ Thị Tr đối với yêu cầu ghi rõ nhận định về nguyên nhân mâu thuẫn và việc nuôi con chung.

3. Giữ nguyên bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm số 29/2020/HNGĐ-ST ngày 17 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Vũ Thị Tr và anh Chu Văn T.

- Về việc nuôi con chung: Giao con chung tên là Chu Ngọc An Nh, sinh ngày 26 tháng 12 năm 2018 cho chị Vũ Thị Tr trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung tên là Chu Minh T, sinh ngày 24 tháng 9 năm 2016 cho anh Chu Văn T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Vũ Thị Tr và anh Chu Văn T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung: Chia tài sản cho chị Vũ Thị Tr và anh Chu Văn T, mỗi người được sở hữu phần tài sản trị giá 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng). Giao cho chị Vũ Thị Tr tài sản là chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mercedes-Benz, số khung 4CXXJV004703, số máy 492031343659, biển số đăng ký 15A-512.95, tên chủ xe Vũ Thị Tr (Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 089083 ngày 21/8/2019). Chị Vũ Thị Tr có nghĩa vụ thanh toán phần chênh lệch cho anh Chu Văn T số tiền là 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng).

4. Về án phí:

+ Chị Vũ Thị Tr phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm; 28.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, cộng, chị Tr phải nộp 28.600.000 đồng (Hai mươi tám triệu sáu trăm nghìn đồng); đối trừ với số tiền tạm ứng án phí 600.000 đồng chị Tr đã nộp theo các biên lai thu tạm ứng án phí số 0003108 ngày 17 tháng 10 năm 2019 và số 0000768 ngày 30 tháng 3 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên; chị Vũ Thị Tr còn phải nộp 28.000.000 đồng (Hai mươi tám triệu đồng) án phí.

+ Anh Chu Văn T phải chịu 28.000.000 đồng (Hai mươi tám triệu đồng) án phí chia tài sản chung, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 16.000.000 đồng (Mười sáu triệu đồng) anh T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003256 ngày 11 tháng 12 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên. Anh Chu Văn T còn phải nộp 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày

có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự 2015.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- TAND H.Thủy Nguyên, TP Hải Phòng;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên, TP Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Vân Thúy

